

Số: 61 /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BNV hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2026/TT-BNV hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định nội dung, mức chi trong công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 714/TTr-SNV ngày 22 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.
2. Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP7.

PTH_VP7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chúc

QUY CHẾ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2026/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức, quyền lợi, trách nhiệm đền bù kinh phí đào tạo và quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

- Cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính Nhà nước cấp tỉnh, cấp xã;
- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các đối tượng không quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 89/2021/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP, Thông tư số 100/2025/TT-BTC và các quy định khác có liên quan.

3. Đối tượng không áp dụng

a) Các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo các Đề án/Dự án của Trung ương, của tỉnh mà các Đề án/Dự án đó có quy định riêng thì thực hiện theo các Đề án/Dự án đó;

b) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị không thụ hưởng ngân sách địa phương;

c) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị, địa phương và của tỉnh.

2. Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm.

3. Đề cao ý thức tự học và việc lựa chọn chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

4. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

6. Không cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ hai khóa học trở lên trong cùng một thời gian (kể cả khóa đào tạo, bồi dưỡng theo loại hình vừa học, vừa làm).

Điều 4. Yêu cầu tham gia các chương trình bồi dưỡng

Yêu cầu tham gia các chương trình bồi dưỡng đối với công chức thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; đối với cán bộ, viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP.

Điều 5. Điều kiện, tiêu chuẩn chung cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Có vị trí việc làm phù hợp với nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng và phải gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng, sắp xếp, bố trí, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

2. Có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công tác.

3. Không trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật, đình chỉ công tác, không thuộc đối tượng bị điều tra, kiểm tra; không trong thời gian kỷ luật, đang nghỉ chế độ chính sách theo quy định.

4. Có đủ sức khỏe và đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo yêu cầu của từng khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 6. Nội dung bồi dưỡng

Nội dung bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP và Điều 16 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP.

Điều 7. Loại hình đào tạo, hình thức tổ chức bồi dưỡng

1. Loại hình đào tạo

a) Chính quy;

b) Vừa làm, vừa học;

- c) Từ xa.
- 2. Hình thức tổ chức bồi dưỡng
 - a) Tập trung;
 - b) Trực tuyến;
 - c) Kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

Chương II

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 8. Điều kiện cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học ngoài việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 5 Quy chế này thì phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP đối với công chức; quy định tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP đối với cán bộ, viên chức và các quy định hiện hành của Trung ương, của tỉnh có liên quan.

Điều 9. Điều kiện cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài ngoài việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 5 Quy chế này thì phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 28 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP đối với công chức; Điều 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP đối với cán bộ, viên chức và các quy định hiện hành của Trung ương, của tỉnh có liên quan.

Điều 10. Quyền lợi và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Quyền lợi

a) Đối với công chức khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; đối với cán bộ, viên chức khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

b) Được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành của Trung ương và của tỉnh về việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng.

2. Trách nhiệm

a) Công chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

b) Cán bộ, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

c) Ngoài các quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều này, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện các quy định, quy chế của các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

Điều 11. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định nội dung, mức chi trong công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh Ninh Bình.

2. Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC và các quy định có liên quan.

3. Hồ sơ thanh toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 12. Đền bù, chi phí đền bù, cách tính chi phí đền bù và hội đồng xét đền bù đào tạo sau đại học

1. Công chức được cử đi đào tạo sau đại học bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

2. Cán bộ, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, viên chức phải đền bù kinh phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

3. Thành lập Hội đồng xét đền bù và Quyết định đền bù

Việc thành lập Hội đồng xét đền bù và Quyết định đền bù đối với công chức thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 12 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; đối với cán bộ, viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Quyết định số 48/2026/QĐ-CTUBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định phân cấp, quản lý về cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, hội quần chúng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

4. Nhiệm vụ và hoạt động của Hội đồng xét đền bù

Nhiệm vụ và hoạt động của Hội đồng xét đền bù đối với công chức thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; đối với cán bộ, viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 12 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

5. Trả và thu hồi chi phí đền bù

Trả và thu hồi chi phí đền bù đối với công chức thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; đối với cán bộ, viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

Điều 13. Điều kiện không phải đền bù và được giảm chi phí đền bù

Điều kiện không phải đền bù và được giảm chi phí đền bù đối với công chức thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định 171/2025/NĐ-CP; đối với cán bộ, viên chức thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 14. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Thực hiện các nhiệm vụ đã được phân cấp theo Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 quy định phân cấp, quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Quyết định số 48/2026/QĐ-CTUBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, yêu cầu của vị trí việc làm rà soát nhu cầu đăng ký đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp xây dựng dự thảo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng khối Nhà nước của năm liền kề, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Căn cứ Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) trước ngày 30 tháng 01 của năm liền kề.

4. Tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm của cơ quan, đơn vị

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị đi ôn, dự thi và đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài;

b) Đề nghị Sở Nội vụ quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện được hỗ trợ theo quy định của tỉnh đi ôn, dự thi và đi đào tạo sau đại học ở trong nước;

c) Đề nghị Sở Nội vụ xem xét ra quyết định mở lớp đối với các lớp đã được tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm theo quy định;

d) Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định;

đ) Tổ chức thực hiện đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BNV và Thông tư số 03/2026/TT-BNV;

e) Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

5. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng Kế hoạch tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ của năm liền kề cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị quản lý (*gửi về Sở Nội vụ*); tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và đồng thời báo cáo kết quả tổ chức tập huấn (*gửi về Sở Nội vụ*) trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Thực hiện các nhiệm vụ đã được phân cấp theo Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định phân cấp, quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Quyết định số 48/2026/QĐ-CTUBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

2. Quyết định mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức khỏi Nhà nước đối với các lớp trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị.

3. Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cơ quan, đơn vị có liên quan đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; tổng hợp, thẩm định đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của cơ quan, đơn vị để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức khỏi Nhà nước hằng năm hoặc theo giai đoạn.

4. Thông báo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo và bồi dưỡng ở nước ngoài.

6. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

7. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp dự toán chi ngân sách cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt theo quy định.

2. Hướng dẫn cơ quan, đơn vị bố trí nguồn, lập dự toán, quản lý, sử dụng và thủ tục thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Thẩm định, cấp phát kinh phí tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức sau khi hoàn thành khóa đào tạo sau đại học theo đề nghị của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức (*đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp, theo dõi*).

4. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

1. Căn cứ quy định tại Nghị quyết 08/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, thủ trưởng đơn vị quyết định nội dung, định mức chi đào tạo, bồi dưỡng. Kinh phí được bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước giao hằng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC gửi về Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường chủ quản để phê duyệt, tổng hợp, xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức chung hằng năm của ngành, địa phương.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm của đơn vị:

a) Đề nghị các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường chủ quản quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi ôn, dự thi và đi học sau đại học; đi bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ hoạt động nghề nghiệp, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp;

b) Trình Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường chủ quản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý tham gia dự tuyển và đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài;

c) Tạo điều kiện để viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức theo quy định;

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị quản lý viên chức trong thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện việc xử lý bồi thường kinh phí đào tạo đối với các đối tượng vi phạm quy định tại Điều 12 Quy chế này;

đ) Thực hiện việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng viên chức theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm về Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường chủ quản để theo dõi, quản lý và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Căn cứ quy định tại Nghị quyết 08/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thủ trưởng đơn vị quyết định nội dung, định mức chi đào tạo, bồi dưỡng. Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Trên cơ sở tiêu chuẩn, điều kiện, nguồn kinh phí, xây dựng dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC, xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức của đơn vị hàng năm, báo cáo sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường chủ quản để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm của đơn vị:

a) Quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi ôn, dự thi và đi đào tạo sau đại học, đi bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ hoạt động nghề nghiệp, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, kiến thức hội nhập quốc tế, tiếng dân tộc, tin học, ngoại ngữ ở trong nước theo quy định. Đối với viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng phải báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo phân cấp.

b) Tạo điều kiện để viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức theo quy định; thực hiện việc quản lý viên chức trong thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

c) Thực hiện việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng viên chức theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm theo quy định.

4. Thực hiện các nội dung về việc xử lý bồi thường kinh phí đào tạo đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý vi phạm quy định tại Điều 12 Quy chế này.

5. Hằng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, yêu cầu của vị trí việc làm, người đứng đầu đơn vị rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ viên chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 19. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến về việc cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp xây dựng dự thảo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị hằng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Điều 20. Trách nhiệm của Trường Chính trị tỉnh

1. Đề nghị Sở Nội vụ xem xét ra quyết định mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Khối Nhà nước theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo cơ sở vật chất, quản lý chặt chẽ học viên trong suốt quá trình tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm thực hiện đúng nội quy, quy chế,

duy trì kỷ luật, nền nếp học tập và kịp thời phối hợp với cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức để xử lý các vấn đề phát sinh.

3. Bảo đảm đội ngũ giảng viên có đủ trình độ, năng lực để tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy theo quy định đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định hiện hành.

5. Liên kết với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài tỉnh để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng đối với các chuyên ngành, lĩnh vực mà đơn vị chưa đủ điều kiện đảm nhận theo quy định.

6. Thực hiện việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và gửi báo cáo kết quả mở lớp về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày bế giảng lớp học.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Công chức được cử đi đào tạo sau đại học trước ngày Nghị định 171/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì thời gian cam kết công tác sau khi hoàn thành chương trình đào tạo giữa công chức và cơ quan, đơn vị cử đi học áp dụng quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP. Thời gian công tác theo cam kết này là cơ sở để tính chi phí đền bù theo quy định.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các nội dung liên quan thực hiện theo quy định tại các văn bản đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế tại địa phương./.